

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-SGDĐT ngày 24/01/2026)

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THI/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
1	NGUYỄN XUÂN	PHÚC	110 / 002442	THCS Phú Thái	X. PHÚ THÁI	9,30	
2	DOẢN QUANG	DUY	107 / 002361	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	9,10	
3	VƯƠNG CHÍ	BÌNH	106 / 002350	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	9,00	
4	NGUYỄN TUẤN	MINH	109 / 002423	THCS Phú Thái	X. PHÚ THÁI	8,80	
5	NGUYỄN DANH	TÙNG	111 / 002474	THCS Chu Văn An	P. TRẦN HUNG ĐẠO	8,80	
6	NGUYỄN TÙNG	LÂM	108 / 002405	THCS Phan Bội Châu	X. TỬ KỶ	8,30	
7	ĐẶNG NGỌC	ÁNH	106 / 002345	THCS Nguyễn Trãi	X. NAM SÁCH	7,90	
8	TRỊNH THÀNH	HÙNG	108 / 002393	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	7,90	
9	NGUYỄN NHẬT DUY	ANH	011 / 000234	THCS Tiên Lãng	X. TIÊN LÃNG	7,80	
10	NGUYỄN VIỆT	CUỒNG	106 / 002355	THCS Lê Thanh Nghị	X. GIA LỘC	7,80	
11	TRẦN QUỐC	CUỒNG	106 / 002356	THCS Phú Thái	X. PHÚ THÁI	7,80	
12	CAO MINH	ĐỨC	107 / 002376	THCS Phạm Sư Mạnh	P. KINH MÓN	7,80	
13	NGUYỄN HUY	HÙNG	108 / 002387	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	7,80	
14	NGUYỄN NHẬT	MINH	109 / 002422	THCS Phan Bội Châu	X. TỬ KỶ	7,70	
15	NGUYỄN GIA	TUỆ	017 / 000368	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	7,60	
16	NGUYỄN ĐÌNH ANH	DŨNG	107 / 002359	THCS Bình Minh	P. LÊ THANH NGHỊ	7,60	
17	NGUYỄN QUÝ	DUƠNG	107 / 002364	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	7,55	
18	PHẠM ĐỨC	ANH	106 / 002344	THCS Nguyễn Huệ	P. TỬ MINH	7,50	
19	NGUYỄN NGỌC BẢO	CHÂU	106 / 002351	THCS Phạm Sư Mạnh	P. KINH MÓN	7,45	
20	HOÀNG QUANG	NAM	109 / 002427	THCS Vũ Hữu	X. ĐƯỜNG AN	7,40	
21	NGUYỄN HẢI	NAM	109 / 002428	THCS Phan Bội Châu	X. TỬ KỶ	7,40	
22	NGUYỄN VĂN	MẠNH	109 / 002417	THCS Vũ Hữu	X. ĐƯỜNG AN	7,35	
23	ĐÀO BÁ	THẮNG	016 / 000354	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	7,10	
24	LÊ PHẠM MINH TUẤN	ANH	106 / 002339	THCS Nguyễn Trãi	X. NAM SÁCH	7,10	
25	LÊ KHẢ THÀNH	DANH	106 / 002358	THCS Chu Văn An	P. TRẦN HUNG ĐẠO	7,10	
26	PHẠM TRUNG	KHÁNH	108 / 002400	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	7,05	
27	NGUYỄN THỊ THẢO	LINH	109 / 002409	THCS Nguyễn Huệ	P. TỬ MINH	7,05	
28	VŨ TRỌNG	HẢI	108 / 002383	THCS Thành Nhân	X. NINH GIANG	6,95	
29	LÊ QUỐC	TRUNG	111 / 002469	THCS Phú Thái	X. PHÚ THÁI	6,90	
30	NGUYỄN NAM	KHÁNH	108 / 002399	THCS Phú Thái	X. PHÚ THÁI	6,85	
31	TRẦN QUANG	HIẾU	108 / 002385	THCS Chu Văn An	P. TRẦN HUNG ĐẠO	6,80	
32	HÀ THẾ	PHONG	110 / 002440	THCS Nguyễn Huệ	P. TỬ MINH	6,65	
33	PHẠM MINH	THÀNH	111 / 002459	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	6,65	
34	NGUYỄN NGUYỆT	ÁNH	106 / 002346	THCS Hiệp Lực	X. NINH GIANG	6,60	
35	PHẠM LÂM	HUY	108 / 002391	THCS Phan Bội Châu	X. TỬ KỶ	6,60	
36	TÔ TRUNG	SƠN	111 / 002455	THCS Vũ Hữu	X. ĐƯỜNG AN	6,60	
37	TÔ DUY	TUẤN	111 / 002472	THCS Kim Đỉnh	X. AN THÀNH	6,60	
38	CAO TRÍ	TƯỜNG	017 / 000372	THCS Lưu Kiếm	P. LƯU KIẾM	6,55	
39	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	107 / 002369	THCS Đại Hợp	X. TÂN KỶ	6,55	
40	TRẦN VĂN	KHÁNH	108 / 002401	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	6,55	
41	VŨ HUY	MẠNH	109 / 002418	THCS Vũ Hữu	X. ĐƯỜNG AN	6,55	
42	TRẦN PHƯƠNG	NGA	014 / 000322	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	6,40	
43	NGUYỄN NAM	CUỒNG	106 / 002354	THCS Vĩnh Hồng	X. KÊ SẮT	6,40	
44	VŨ ĐĂNG	HUY	108 / 002392	THCS Tứ Cường	X. THANH MIỆN	6,40	
45	NGUYỄN QUỐC	VIỆT	111 / 002476	THCS Nguyễn Trãi	X. NAM SÁCH	6,40	
46	NGUYỄN ĐỖ GIA	HÙNG	013 / 000291	THCS Đăng Hải	P. HẢI AN	6,35	
47	VŨ BÁ TIẾN	THÀNH	016 / 000352	THCS Hồng Thái	P. AN HẢI	6,35	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THI/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
48	NGUYỄN ĐỨC	ANH	011 / 000231	THCS Lê Lợi	P. HẢI AN	6,30	
49	NGUYỄN MINH	THÀNH	016 / 000351	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	6,30	
50	PHẠM TÔ VĂN	TRƯỜNG	016 / 000361	THCS Thị Trấn Núi Đồi	X. KIẾN THUY	6,30	
51	NGUYỄN HÙNG	PHƯƠNG	110 / 002444	THCS Lê Thanh Nghị	X. GIA LỘC	6,30	
52	NGUYỄN THỊ NGỌC	MAI	109 / 002414	THCS Phạm Sư Mạnh	P. KINH MÔN	6,20	
53	VŨ TRÍ	PHI	110 / 002439	THCS Minh Tân	P. NHỊ CHIẾU	6,15	
54	ĐỖ SƠN	TÙNG	017 / 000369	THCS Ngô Quyền	P. LÊ CHÂN	6,10	
55	LÊ ĐỨC	ANH	106 / 002338	THCS Đại Hợp	X. TÂN KỶ	6,10	
56	NGUYỄN ĐỨC	ANH	106 / 002340	THCS Nguyễn Huệ	P. TỬ MINH	6,10	
57	TRỊNH GIA	KHÁNH	108 / 002402	THCS Phú Thái	X. PHÚ THÁI	6,10	
58	DOÃN HÀ	MI	109 / 002419	THCS Nguyễn Trãi	X. NAM SÁCH	6,10	
59	NGUYỄN TRÍ	BẢO	011 / 000244	THCS Lê Lợi	P. HẢI AN	6,05	
60	VŨ HUY	PHÚ	110 / 002441	THCS Vũ Hữu	X. ĐƯỜNG AN	6,05	
61	NGUYỄN HẢI	LINH	109 / 002408	THCS Nguyễn Trãi	P. NGUYỄN TRÃI	6,00	
62	BÙI ĐỨC BẢO	NAM	109 / 002426	THCS Nguyễn Lương Bằng	X. THANH MIỀN	6,00	
63	VŨ HOÀNG	NAM	014 / 000321	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	5,90	
64	TRẦN ANH	TÚ	016 / 000364	THCS Hòa Bình	P. HÒA BÌNH	5,90	
65	NGUYỄN HỮU	ĐỨC	107 / 002378	THCS Hồng Khê	X. BÌNH GIANG	5,90	
66	LÊ QUỐC	VIỆT	017 / 000375	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	5,85	
67	NGUYỄN TRƯỜNG	GIANG	107 / 002380	THCS Phạm Sư Mạnh	P. KINH MÔN	5,85	
68	ĐỖ THANH	BÌNH	011 / 000246	THCS Thị Trấn Núi Đồi	X. KIẾN THUY	5,80	
69	LÊ MINH	ĐỨC	107 / 002377	THCS An Lâm	X. AN PHÚ	5,80	
70	NGUYỄN HOÀNG KIM	ANH	106 / 002341	THCS Hoàng Tiến	P. TRẦN NHÂN TÔNG	5,75	
71	NGUYỄN HỒNG	CHỨC	011 / 000251	THCS Nguyễn Bình Khiêm	X. VINH BẢO	5,70	
72	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	108 / 002396	THCS Thành Nhân	X. NINH GIANG	5,70	
73	NGUYỄN ĐỨC	MINH	109 / 002420	THCS Thành Nhân	X. NINH GIANG	5,70	
74	BÙI VŨ KIM	NGÂN	109 / 002429	THCS Đoàn Kết	X. HẢI HUNG	5,70	
75	PHẠM ĐĂNG ĐỨC	ANH	106 / 002343	THCS Thanh Lang	X. HÀ NAM	5,65	
76	VŨ ANH	BANG	106 / 002347	THCS Tuấn Việt	X. LAI KHÊ	5,65	
77	NGUYỄN HOÀNG ĐỨC	DUY	107 / 002362	THCS Chí Minh	P. CHU VĂN AN	5,65	
78	LƯU MINH	HIẾU	013 / 000278	THCS Đăng Hải	P. HẢI AN	5,60	
79	NGUYỄN TUẤN	MINH	014 / 000316	THCS Ngô Gia Tự	P. HỒNG BÀNG	5,60	
80	NGUYỄN THẾ	QUANG	015 / 000341	THCS Hồng Bằng	P. HỒNG BÀNG	5,60	
81	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	106 / 002342	THCS Lê Thanh Nghị	X. GIA LỘC	5,60	
82	NGUYỄN VŨ	BÌNH	106 / 002348	THCS Thanh Hải	X. HÀ TÂY	5,60	
83	PHẠM MINH	DŨNG	107 / 002360	THCS Lê Thanh Nghị	X. GIA LỘC	5,60	
84	BÙI GIA	HUY	013 / 000281	THCS Tam Cường	X. VINH AM	5,55	
85	NGUYỄN QUỐC	HIẾU	108 / 002384	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	5,55	
86	TRẦN VĂN HOÀNG	ANH	011 / 000238	THCS Nguyễn Bình Khiêm	X. VINH BẢO	5,50	
87	TRỊNH THỊ PHƯƠNG	ĐÔNG	012 / 000264	THCS Minh Tân	X. KIẾN MINH	5,50	
88	BÙI LƯU NHẬT	MINH	014 / 000313	THCS Ngũ Lão	P. BẠCH ĐĂNG	5,50	
89	NGUYỄN XUÂN	TOÀN	111 / 002466	THCS Tân Trường	X. MAO ĐIỂN	5,50	
90	NGUYỄN THÁI	VIỆT	017 / 000376	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	5,45	
91	ĐẶNG THU	PHƯƠNG	110 / 002443	THCS Hồng Quang	X. BẮC THANH MIỀN	5,45	
92	NGUYỄN QUANG	HANH	012 / 000271	THCS Phan Chu Trinh	X. VIỆT KHÊ	5,40	
93	NGUYỄN LÊ BẢO	NGỌC	110 / 002433	THCS Ngọc Châu	P. HẢI DƯƠNG	5,40	
94	DƯƠNG BÁ PHÚC	THỊNH	111 / 002463	THCS Phả Lại	P. CHÍ LINH	5,40	
95	VŨ ĐỨC	VINH	111 / 002477	THCS Hồng Phong	X. KHÚC THỪA DỤ	5,40	
96	NGUYỄN CHÍ	BÌNH	011 / 000247	THCS Cấp Tiến - Bạch Đằng	X. TÂN MINH	5,35	
97	TRẦN HẢI	ĐÔNG	012 / 000263	THCS An Lư	P. HÒA BÌNH	5,35	
98	TƯỜNG VINH	KHANG	013 / 000293	THCS Hồng Bằng	P. HỒNG BÀNG	5,35	
99	NGUYỄN VIỆT	PHONG	015 / 000333	THCS Đông Hải	P. ĐÔNG HẢI	5,35	
100	VŨ ANH	ĐỨC	107 / 002379	THCS Cẩm Đông	X. MAO ĐIỂN	5,35	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THI/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
101	LÊ NHẬT	LINH	109 / 002407	THCS Nguyễn Huệ	P. TỨ MINH	5,35	
102	PHẠM VĂN GIA	THÁI	111 / 002458	THCS Lê Thanh Nghị	X. GIA LỘC	5,35	
103	NGUYỄN THỊ THUỶ	CHI	011 / 000250	THCS Hòa Bình	P. HÒA BÌNH	5,30	
104	NGUYỄN HIẾU	NGHĨA	014 / 000324	THCS Hùng Thắng	X. HÙNG THẮNG	5,30	
105	TRẦN THỊ HỒNG	NGỌC	015 / 000328	THCS Đồng Hoà	P. KIẾN AN	5,30	
106	HOÀNG PHÚC	SƠN	016 / 000346	THCS Quang Trung	P. NGÔ QUYÊN	5,30	
107	ĐOÀN VIỆT	ANH	106 / 002337	THCS Đại Sơn	X. ĐẠI SƠN	5,30	
108	NGUYỄN CÔNG	PHÁT	110 / 002438	THCS Cổ Dũng	X. LAI KHÉ	5,25	
109	NGUYỄN BẢO	CHÂU	011 / 000249	THCS Hưng Đạo	P. HUNG ĐẠO	5,20	
110	NGUYỄN DUY	NAM	014 / 000319	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	5,20	
111	HOÀNG QUỐC	TUẤN	111 / 002471	THCS Đông Lạc	P. LÊ ĐẠI HÀNH	5,20	
112	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	012 / 000257	THCS Đông Minh	X. VINH HẢI	5,15	
113	ĐÌNH NGUYỄN BẢO	NGÂN	014 / 000323	THCS Quyết Tiến	X. TIẾN LĂNG	5,15	
114	LÊ NHẬT	THÁI	111 / 002457	THCS Thanh Quang	X. HÀ ĐÔNG	5,15	
115	TỨ MINH	HUY	013 / 000288	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	5,10	
116	HOÀNG NGUYỄN NGỌC	MAI	014 / 000309	THCS Đông Hải	P. ĐÔNG HẢI	5,10	
117	BÙI KHÔI	NGUYỄN	015 / 000329	THCS Tam Cường	X. VINH AM	5,10	
118	VŨ TÙNG	DƯƠNG	107 / 002367	THCS Lê Thanh Nghị	X. GIA LỘC	5,10	
119	ĐÌNH THỊ	HƯỜNG	108 / 002398	THCS Hiệp Cát	X. TRẦN PHÚ	5,10	
120	VŨ TÙNG	LÂM	108 / 002406	THCS Nguyễn Lương Bằng	X. THANH MIỀN	5,10	
121	PHẠM MINH	KHANG	013 / 000292	THCS An Đông	P. AN HẢI	5,05	
122	TRỊNH VIỆT	CUÔNG	106 / 002357	THCS Yết Kiêu	X. YẾT KIỆU	5,05	
123	NGUYỄN VĂN	DUY	107 / 002363	THCS Tân Hương	X. VINH LAI	5,05	
124	ĐỖ ĐỨC MINH	QUÂN	110 / 002448	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	5,05	
125	HOÀNG PHÚ	CUÔNG	011 / 000252	THCS Trần Phú	P. PHÙ LIỄN	5,00	
126	PHẠM MINH	HẰNG	012 / 000273	THCS Tiên Lãng	X. TIẾN LĂNG	5,00	
127	HOÀNG THÀNH	LỢI	014 / 000308	THCS Sơn	X. AN LÃO	5,00	
128	PHẠM THỊ THANH	MAI	109 / 002415	THCS An Thanh	X. CHÍ MINH	5,00	
129	VŨ THỊ KIM	NGÂN	110 / 002431	THCS Nguyễn Lương Bằng	X. THANH MIỀN	5,00	
130	LÊ MINH	HIẾU	013 / 000277	THCS Thiên Hương	P. THIÊN HƯƠNG	4,95	
131	BÙI TIẾN	THÀNH	016 / 000348	THCS Hòa Nghĩa	P. DƯƠNG KINH	4,95	
132	BÙI ĐẶNG NGUYỄN	VŨ	017 / 000378	THCS Cấp Tiến - Bạch Đằng	X. TÂN MINH	4,95	
133	PHẠM VĂN	ĐẠT	107 / 002372	THCS Thanh Lang	X. HÀ NAM	4,95	
134	NGUYỄN HOÀNG ĐỨC	MINH	109 / 002421	THCS Quyết Thắng	X. VINH LAI	4,95	
135	LÊ PHƯƠNG	THẢO	111 / 002461	THCS Duy Tân	P. NHỊ CHIẾU	4,95	
136	ĐỖ HẢI	ĐẶNG	012 / 000262	THCS Đăng Hải	P. HẢI AN	4,90	
137	HOÀNG ANH	ĐỨC	012 / 000265	THCS Tân Dương	P. THỦY NGUYỄN	4,90	
138	LÊ VŨ THIÊN	LÂM	013 / 000300	THCS Lê Lợi	P. HẢI AN	4,90	
139	NGUYỄN YẾN	NHI	015 / 000332	THCS Hưng Đạo	P. HUNG ĐẠO	4,90	
140	VŨ THANH	TUẤN	017 / 000367	THCS Thị Trấn Núi Đồi	X. KIẾN THUY	4,90	
141	NGUYỄN ĐỨC	HẢI	107 / 002382	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	4,90	
142	PHẠM THỊ MINH	HƯƠNG	108 / 002397	THCS Đoàn Tùng	X. NGUYỄN LƯƠNG BẰNG	4,90	
143	BÙI ANH	QUÂN	110 / 002447	THCS Nguyễn Lương Bằng	X. THANH MIỀN	4,90	
144	VŨ VIỆT	ANH	011 / 000239	THCS Tam Hưng	P. NAM TRIỆU	4,85	
145	TẠ ĐÌNH	DƯƠNG	107 / 002365	THCS Cẩm Giang	X. CẨM GIANG	4,85	
146	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	111 / 002462	THCS Thanh Giang	X. NAM THANH MIỀN	4,85	
147	MẠC THỊ THANH	THỨ	111 / 002464	THCS An Phụ	P. TRẦN LIỄU	4,85	
148	NGUYỄN ĐÀO NGUYỄN	AN	011 / 000229	THCS Đăng Lâm	P. HẢI AN	4,80	
149	NGUYỄN BÌNH HẢI	LONG	014 / 000305	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	4,80	
150	NGUYỄN LÊ	HÙNG	108 / 002388	THCS Quang Trung	X. LẠC PHƯỢNG	4,80	
151	LÊ TIẾN	THÀNH	016 / 000349	THCS Nguyễn Bình Khiêm	X. VINH BẢO	4,75	
152	VŨ ĐÌNH	KIÊN	108 / 002403	THCS Tân Quang	X. HỒNG CHÂU	4,75	
153	VŨ TUỆ	LINH	109 / 002411	THCS Minh Hòa	P. NGUYỄN ĐẠI NĂNG	4,75	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THI/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
154	BÙI THỊ HỒNG	NGỌC	015 / 000325	THCS Ngọc Hải	P. ĐỒ SƠN	4,70	
155	ĐÌNH MINH	NHẬT	015 / 000331	THCS Dư Hàng Kênh	P. LÊ CHÂN	4,70	
156	PHAN MINH	TUẤN	017 / 000366	THCS Hồng Bàng	P. HỒNG BÀNG	4,70	
157	PHẠM TIẾN	ĐẠT	107 / 002371	THCS Tân Phong	X. TÂN AN	4,70	
158	TRỊNH THỊ PHƯƠNG	LINH	109 / 002410	THCS Hồng Lạc	X. HÀ BẮC	4,70	
159	VŨ TUẤN	TÚ	111 / 002470	THCS Bình Dân	X. KIM THÀNH	4,70	
160	VŨ ĐÌNH ANH	TUẤN	111 / 002473	THCS Hoàng Diệu	X. GIA PHÚC	4,70	
161	NGUYỄN QUANG	HẢI	012 / 000267	THCS Lâm Động	P. THIÊN HƯƠNG	4,65	
162	BÙI QUANG	HUY	013 / 000282	THCS Quán Toan	P. HỒNG AN	4,65	
163	NGUYỄN PHÚC	NGUYỄN	015 / 000330	THCS Đồng Hoà	P. KIẾN AN	4,65	
164	VŨ ĐỨC	TRUNG	016 / 000360	THCS Võ Thị Sáu	P. AN BIÊN	4,65	
165	BÙI VŨ TƯỜNG	VY	017 / 000380	THCS Chính Mỹ	P. LÊ ÍCH MỘC	4,65	
166	VŨ NGUYỄN	HÙNG	108 / 002394	THCS Sao Đỏ	P. CHU VĂN AN	4,65	
167	NGUYỄN QUỲNH	HƯƠNG	108 / 002395	THCS Ngọc Châu	P. HẢI DƯƠNG	4,65	
168	BÙI TUẤN	MINH	014 / 000314	THCS Lương Khánh Thiện	P. PHÙ LIÊN	4,60	
169	ĐÀM MINH	THÔNG	016 / 000356	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	4,60	
170	VŨ HOÀNG	TÙNG	017 / 000370	THCS Lê Chân	P. AN BIÊN	4,60	
171	TRẦN VĂN	THÀNH	111 / 002460	THCS Quang Thành	X. NAM AN PHỤ	4,60	
172	LƯƠNG VĂN	DŨNG	012 / 000256	THCS Đông Tây Hưng	X. CHẤN HUNG	4,50	
173	NGÔ LONG	KHÁNH	013 / 000295	THCS Tiên Thắng - Toàn Thắng	X. TIÊN MINH	4,50	
174	NGUYỄN HOÀNG NGỌC	MAI	014 / 000310	THCS Tân Trào	X. KIẾN HUNG	4,50	
175	ĐÌNH KHẮC MINH	UY	017 / 000373	THCS Phả Lễ	P. NAM TRIỆU	4,50	
176	NGUYỄN VĂN TIẾN	ĐẠT	107 / 002370	THCS An Phụ	P. TRẦN LIẾU	4,50	
177	VŨ MINH	HIỆP	012 / 000275	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	4,45	
178	NGUYỄN VŨ	MINH	014 / 000317	TH-THCS Du Lễ	X. NGHI DƯƠNG	4,45	
179	NGÔ BÍCH	NGỌC	015 / 000326	THCS Giang Biên	X. VĨNH THUẬN	4,45	
180	NGUYỄN HUY	ĐẠT	107 / 002368	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	4,45	
181	MẠC HẢI	ĐĂNG	107 / 002373	THCS Hiệp Hòa	P. TRẦN LIẾU	4,45	
182	TRẦN ĐỨC	LỘC	109 / 002413	THCS Lai Cách	P. VIỆT HOÀ	4,45	
183	BÙI	QUYẾT	110 / 002454	THCS Thanh Lang	X. HÀ NAM	4,45	
184	NGUYỄN HẢI	LONG	014 / 000306	THCS Hồng Bàng	P. HỒNG BÀNG	4,40	
185	ĐẶNG NHẬT	NAM	014 / 000318	THCS Quán Toan	P. HỒNG AN	4,40	
186	BÙI HOÀNG	AN	106 / 002335	THCS Thành Nhân	X. NINH GIANG	4,40	
187	NGUYỄN ANH	QUÂN	110 / 002449	THCS Bình Xuyên	X. THƯỢNG HỒNG	4,40	
188	NGUYỄN MINH	QUÂN	110 / 002452	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	4,40	
189	NGUYỄN MINH	TÂM	111 / 002456	THCS Lê Thanh Nghị	X. GIA LỘC	4,40	
190	VŨ HOÀNG	BÁCH	011 / 000241	THCS Nguyễn Bá Ngọc	P. AN BIÊN	4,35	
191	PHẠM THỊ MAI	ANH	011 / 000235	THCS Tân Dương	P. THỦY NGUYỄN	4,30	
192	NGUYỄN NGỌC	MAI	014 / 000311	THCS Ngũ Lão	P. BẠCH ĐĂNG	4,30	
193	AN PHẠM QUỲNH	ANH	106 / 002336	THCS Tứ Cường	X. THANH MIỆN	4,30	
194	TRẦN ĐÌNH	DŨNG	012 / 000258	THCS Lê Lợi	P. AN DƯƠNG	4,25	
195	LÊ ĐỨC	HUY	013 / 000285	THCS Vĩnh Niệm	P. AN BIÊN	4,25	
196	NGUYỄN ĐÌNH	QUANG	015 / 000340	THCS Kiến Phúc	X. NGHI DƯƠNG	4,25	
197	HOÀNG ANH	TUẤN	017 / 000365	THCS Tân Thắng	X. AN LÃO	4,25	
198	PHẠM ĐỨC	HUY	108 / 002390	THCS Cẩm Văn	X. TUỆ TÍNH	4,25	
199	LÊ THANH	NGHỊ	110 / 002432	THCS Yết Kiêu	X. YẾT KIÊU	4,25	
200	NGUYỄN TÙNG	LÂM	014 / 000301	THCS Lại Xuân	X. VIỆT KHÊ	4,20	
201	LÝ ANH	NGUYỄN	110 / 002435	THCS Cao An	P. VIỆT HOÀ	4,20	
202	NGUYỄN HOÀNG	QUÂN	110 / 002450	THCS Hà Thanh	X. NGUYỄN GIÁP	4,20	
203	NGUYỄN ĐÌNH	CẢ	011 / 000248	THCS Lê Ích Mộc	P. THỦY NGUYỄN	4,15	
204	PHẠM GIA	TÚ	016 / 000363	THCS Vinh Quang	X. HÙNG THẮNG	4,15	
205	LÊ HOÀNG	NGÂN	109 / 002430	THCS Hồng Lạc	X. HÀ BẮC	4,15	
206	BÙI HOÀNG	ANH	011 / 000230	THCS Lương Khánh Thiện	P. PHÙ LIÊN	4,10	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THU/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
207	ĐÀO THIÊN	BẢO	011 / 000242	THCS An Hòa	P. AN PHONG	4,05	
208	ĐỖ HỮU	KHOA	013 / 000296	THCS Trần Hưng Đạo	P. LƯU KIỂM	4,05	
209	NGUYỄN VŨ THÀNH	QUANG	015 / 000342	THCS Đại Đông - Đông Phương	X. KIẾN MINH	4,05	
210	NGUYỄN BÁ GIA	HUY	013 / 000286	THCS Võ Thị Sáu	P. AN BIÊN	4,00	
211	CÙ THỊ NGỌC	HUYỀN	013 / 000289	THCS Lưu Kiếm	P. LƯU KIỂM	4,00	
212	NGUYỄN ĐỨC	MINH	014 / 000315	TH-THCS Chiến Thắng	X. AN HUNG	4,00	
213	NGUYỄN VĂN	QUYẾT	015 / 000343	THCS Kỳ Sơn	X. VIỆT KHÉ	4,00	
214	NGUYỄN THỊ HÀ	VY	017 / 000381	THCS Quán Toan	P. HỒNG AN	4,00	
215	TRẦN KHÁNH	CHI	106 / 002352	THCS An Lâm	X. AN PHÚ	4,00	
216	ĐỖ CHÍ	CÔNG	106 / 002353	THCS An Thượng	P. THÀNH ĐÔNG	4,00	
217	NGUYỄN VĂN HOÀNG	DOANH	012 / 000255	THCS An Hòa	X. VINH HÒA	3,95	
218	ĐOÀN HẢI	YẾN	017 / 000382	THCS Bát Trang	X. AN TRƯỞNG	3,95	
219	PHẠM KHÁNH	LÂM	014 / 000302	THCS Cao Nhân	P. LÊ ÍCH MỘC	3,90	
220	TRẦN NGUYỄN ĐIỀU	ANH	011 / 000237	TH-THCS Thành	X. AN TRƯỞNG	3,85	
221	NGUYỄN QUANG	HUY	013 / 000287	THCS Cộng Hiền	X. VINH HẢI	3,85	
222	HOÀNG MAI	PHƯƠNG	015 / 000338	THCS Giang Biên	X. VINH THUẬN	3,85	
223	PHẠM BẢO	TRUNG	016 / 000359	THCS Chấn Hưng	X. CHẤN HUNG	3,85	
224	NGUYỄN QUỐC	TRƯỜNG	016 / 000362	THCS Đà Nẵng	P. NGÔ QUYẾN	3,85	
225	AN THỊ TÂM	ĐOAN	107 / 002374	THCS Tứ Cường	X. THANH MIỆN	3,85	
226	PHẠM BẢO	NGỌC	015 / 000327	THCS Quang Phục	X. TIÊN MINH	3,80	
227	TRẦN MINH	HẢI	012 / 000269	THCS Đông Hải	P. ĐÔNG HẢI	3,75	
228	BÙI THÀNH	LONG	109 / 002412	THCS Tân Phong	X. TÂN AN	3,75	
229	VŨ NGỌC	MAI	109 / 002416	THCS Thất Hùng	P. BẮC AN PHỤ	3,75	
230	PHẠM BÁ	CƯỜNG	012 / 000253	THCS Bắc Hà	P. PHÙ LIÊN	3,70	
231	NGUYỄN DUY	ĐÔNG	107 / 002375	THCS Đông Cẩm	X. KIM THÀNH	3,70	
232	ĐÀM MINH	KHANH	013 / 000294	THCS Lâm Động	P. THIÊN HƯƠNG	3,65	
233	NGUYỄN MAI	KHUÊ	013 / 000298	THCS Hồng Bàng	P. HỒNG BÀNG	3,65	
234	ĐỖ PHÚ	LỘC	014 / 000307	THCS Hòa Bình-Trần Dương	X. NGUYỄN BÌNH KHIÊM	3,65	
235	PHẠM GIA	PHÚC	015 / 000335	THCS Bắc Sơn	P. KIẾN AN	3,65	
236	PHAN HOÀNG GIA	BẢO	011 / 000245	THCS Nam Sơn	P. AN DƯƠNG	3,60	
237	PHẠM PHƯƠNG	LINH	014 / 000304	THCS Hải Thành	P. DƯƠNG KINH	3,60	
238	DƯƠNG QUÝ	SANG	016 / 000345	THCS Tân Tiến	P. AN DƯƠNG	3,60	
239	LÊ THỦY	TIÊN	111 / 002465	THCS Hải Tân	P. TÂN HUNG	3,60	
240	LƯƠNG ĐỨC	MẠNH	014 / 000312	TH-THCS Chiến Thắng	X. AN HUNG	3,55	
241	BÙI MAI	PHƯƠNG	015 / 000337	THCS An Hưng	P. HỒNG AN	3,55	
242	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	015 / 000344	THCS Tân Viên	X. AN KHÁNH	3,55	
243	HÀ PHƯƠNG	THẢO	016 / 000353	THCS Vĩnh Niệm	P. AN BIÊN	3,55	
244	PHẠM VIỆT	HÙNG	108 / 002389	THCS Toàn Thắng	X. GIA PHÚC	3,55	
245	NGUYỄN AN	NINH	110 / 002437	THCS Hoành Sơn	P. NHỊ CHIẾU	3,55	
246	NGUYỄN ĐỖ GIA	BẢO	011 / 000243	THCS Nguyễn Bình Khiêm	X. VINH BẢO	3,50	
247	PHẠM HỮU	PHÚ	015 / 000334	THCS Lý Học - Liên Am - Cao Minh	X. NGUYỄN BÌNH KHIÊM	3,50	
248	NGUYỄN HỮU	THÀNH	016 / 000350	THCS Vạn Sơn	P. ĐỖ SƠN	3,50	
249	NGUYỄN KIM	THIÊN	016 / 000355	THCS Chính Mỹ	P. LÊ ÍCH MỘC	3,50	
250	ĐỖ HỮU	QUANG	110 / 002446	THCS Thành Nhân	X. NINH GIANG	3,50	
251	NGUYỄN MINH	ANH	011 / 000232	THCS Lạc Viên	P. NGÔ QUYẾN	3,45	
252	NGUYỄN NHƯ	NGỌC	110 / 002434	THCS Ngọc Liên	X. CẨM GIANG	3,45	
253	BÙI THỊ MAI	TRANG	111 / 002467	THCS Vĩnh Hồng	X. KÊ SẮT	3,45	
254	ĐOÀN ĐỨC	HUY	013 / 000283	THCS An Dương	P. AN DƯƠNG	3,35	
255	NGUYỄN HOÀNG	THÁI	016 / 000347	THCS Hợp Đức	P. NAM ĐỖ SƠN	3,35	
256	VŨ THỊ BÍCH	PHƯỢNG	110 / 002445	THCS Vĩnh Hồng	X. KÊ SẮT	3,35	
257	NGUYỄN HUY MẠNH	QUÂN	110 / 002451	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	3,30	
258	DƯƠNG XUÂN HUY	HOÀNG	013 / 000279	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	3,25	
259	ĐỖ PHÚ	TRỌNG	016 / 000358	THCS Lạc Viên	P. NGÔ QUYẾN	3,25	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THU/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
260	NGUYỄN QUANG	VINH	017 / 000377	THCS An Hòa	P. AN PHONG	3,25	
261	TẠ MINH	QUÂN	110 / 002453	THCS Tái Sơn	X. TÂN KỶ	3,25	
262	ĐỖ PHÚ	TRÌNH	111 / 002468	THCS Cẩm Giang	X. CẨM GIANG	3,25	
263	TRẦN ĐỨC	TÙNG	111 / 002475	THCS Hiệp Sơn	P. PHẠM SỰ MẠNH	3,25	
264	TRẦN THỊ NGỌC	HÂN	012 / 000274	TH-THCS Tân Phong	X. KIẾN HẢI	3,20	
265	PHẠM HẢI	LINH	014 / 000303	THCS An Hòa	P. AN PHONG	3,20	
266	VŨ MINH	PHƯƠNG	015 / 000336	THCS Phả Lễ	P. NAM TRIỆU	3,20	
267	NGUYỄN VIỆT	HOÀNG	108 / 002386	THCS Phạm Trấn	X. TRƯỜNG TÂN	3,20	
268	PHẠM VĂN TUẤN	MINH	109 / 002424	THCS Thái Tân	X. THÁI TÂN	3,15	
269	NGÔ THỊ	THUẬN	016 / 000357	THCS Hưng Đạo	P. HƯNG ĐẠO	3,10	
270	VŨ ĐOÀN KIM	UYÊN	017 / 000374	THCS Hòa Nghĩa	P. DƯƠNG KINH	3,10	
271	NGUYỄN THÀNH	NHÂN	110 / 002436	THCS Tân Phong	X. TÂN AN	3,10	
272	NGUYỄN NHẬT	ANH	011 / 000233	THCS Bắc Sơn	P. KIẾN AN	3,05	
273	PHAN THÀNH	DANH	012 / 000254	THCS Mỹ Đức	X. AN KHÁNH	3,05	
274	VŨ PHẠM KHÁNH	PHƯƠNG	015 / 000339	PT Hermann Gmeiner	P. ĐÔNG HẢI	3,05	
275	VŨ THẾ	HẢI	012 / 000270	THCS Lưu Kiếm	P. LƯU KIẾM	3,00	
276	PHẠM HUY	VŨ	017 / 000379	THCS Tân Viên	X. AN KHÁNH	3,00	
277	VŨ ANH	ĐỨC	012 / 000266	THCS An Hòa	X. VINH HÒA	2,95	
278	PHẠM TÔ HẢI	BÌNH	106 / 002349	THCS Hợp Tiến	X. HỢP TIẾN	2,90	
279	TRẦN MẠNH	HÙNG	013 / 000280	THCS Quang Trung	X. AN QUANG	2,85	
280	NGUYỄN THỊ ÁNH	TUYẾT	017 / 000371	THCS Tân Trào	X. KIẾN HUNG	2,85	
281	ĐỖ MINH	HIẾU	012 / 000276	THCS Tự Cường	X. QUYẾT THẮNG	2,80	
282	NGÔ TUẤN	KIỆT	013 / 000299	THCS Đại Hợp	X. KIẾN HẢI	2,80	
283	CHỬ THU	HÀ	107 / 002381	THCS Hải Tân	P. TÂN HUNG	2,75	
284	QUÁCH ĐẠI	HẢI	012 / 000268	THCS Tự Cường	X. QUYẾT THẮNG	2,70	
285	NGUYỄN HOÀNG	NAM	014 / 000320	THCS Lương Khánh Thiện	X. AN LÃO	2,65	
286	NGUYỄN ĐỨC	HÀO	012 / 000272	THCS Quảng Thanh	P. LÊ ÍCH MỘC	2,55	
287	PHẠM VĂN HOÀNG	ANH	011 / 000236	THCS Tú Sơn	X. KIẾN HẢI	2,40	
288	NGUYỄN MINH	ĐẠT	012 / 000260	THCS Lê Ích Mộc	P. THỦY NGUYỄN	2,40	
289	TRẦN ĐỨC NAM	DƯƠNG	107 / 002366	THCS Trần Phú	P. THÀNH ĐÔNG	2,40	
290	BÙI MINH	ĐĂNG	012 / 000261	THCS Lê Lợi	P. AN DƯƠNG	2,35	
291	VŨ MINH	HUYỀN	013 / 000290	TH-THCS Quang Hưng	X. AN QUANG	2,15	
292	NGUYỄN BẢO	LÂM	108 / 002404	THCS Vĩnh Hưng	X. KÊ SẮT	2,15	
293	TRƯƠNG VĂN	BA	011 / 000240	THCS Thăng Thủy-Vĩnh Long	X. VINH THỊNH	2,00	
294	LÊ THỊ TRÀ	MY	109 / 002425	THCS An Đức	X. TÂN AN	1,95	
295	NGUYỄN QUANG	DƯƠNG	012 / 000259	THCS Thăng Thủy-Vĩnh Long	X. VINH THỊNH	1,60	
296	LƯU MINH	KHÔI	013 / 000297	THCS Bằng La	P. NAM ĐỒ SƠN	1,60	
297	ĐỖ GIA	HUY	013 / 000284	THCS An Dương	P. AN DƯƠNG		

(Danh sách gồm: 297 thí sinh)